

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐỒNG THÁP



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: LUẬT KINH TẾ

NGÀNH, NGHỀ: QUẢN TRỊ KINH DOANH

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số: 185 /QĐ-CĐCĐ-ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Luật kinh tế có chức năng giúp Nhà nước có thể kiểm soát và bảo vệ quyền lợi của các cá nhân và doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức nền tảng của thể chế pháp luật; kiến thức về vai trò của pháp luật trong công ty, doanh nghiệp; giải quyết tranh chấp kinh doanh; phân tích, đánh giá, xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật phục vụ phát triển và hội nhập kinh tế; hiểu biết về luật của Việt Nam để vận hành trong công ty, doanh nghiệp một cách tốt nhất. Bên cạnh khối kiến thức chuyên môn, sinh viên được trang bị thêm các kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng nghiên cứu, phân tích pháp luật, phân tích rủi ro pháp lý; kỹ năng đàm phán, thương lượng; kỹ năng giải quyết tình huống kinh doanh; kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng, tạo lợi thế hơn trong môi trường xin việc yêu cầu cao như hiện nay. Đây cũng là lợi thế cạnh tranh để bạn đến với nhà tuyển dụng nhanh chóng hơn, nhà tuyển dụng không chỉ yêu cầu kiến thức chuyên môn mà cần ở sinh viên kiến thức luật kinh tế để có thể nhanh nhạy tiếp cận công việc cũng như nhìn nhận vấn đề với nhiều góc độ pháp lý chuẩn xác hơn. Vì thế cần có sự quan tâm với môn học cung cấp các kiến thức kinh doanh này nhiều hơn trên giảng đường.

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 10 năm 2017

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên

Lê Thị Thùy Trang

MỤC LỤC

Contents

LỜI GIỚI THIỆU	1
Chương MH11-01: TỔNG QUAN VỀ LUẬT KINH TẾ.....	6
1. Khái niệm và đặc trưng của luật kinh tế.....	6
1.1. Khái niệm:.....	6
1.2. Đặc trưng của luật kinh tế:.....	6
2. Những nội dung cơ bản của luật kinh tế	7
2.1. Đối tượng điều chỉnh.....	7
2.2. Phương pháp điều chỉnh.....	8
2.3. Chủ thể của luật kinh tế.....	9
2.4. Nguồn của luật kinh tế.....	10
2.5. Vai trò của luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường.....	10
Chương 02: PHÁP LUẬT KINH TẾ	12
1. Pháp luật về đầu tư.....	12
1.1. Khái niệm và phân loại về đầu tư	12
1.2. Hình thức đầu tư	13
1.3. Thủ tục đầu tư	14
1.4. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư (tại VN).....	16
1.5. Lĩnh vực đầu tư:.....	16
2. Pháp luật về công ty.....	18
2.1. Khái niệm:.....	18
2.2. Các loại công ty theo luật hiện hành.....	18
3. Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh	20
3.1. Pháp luật về doanh nghiệp tư nhân.....	20
3.2. Pháp luật về hộ kinh doanh.....	21
3.3. Cá nhân kinh doanh không phải đăng ký kinh doanh	22
4. Pháp luật về hợp tác xã	22
4.1. Khái niệm:.....	22
4.2. Quy chế thành lập, tổ chức.....	23
1.4. Quy chế pháp lý về xã viên (thành viên) hợp tác xã	27
1.5. Quy chế pháp lý về tài sản và tài chính HTX.....	28

Chương 03: LUẬT PHÁ SẢN	30
1. Khái niệm:	30
1.1. Doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.	30
1.2. Phá sản – thủ tục phục hồi doanh nghiệp hoặc thanh lý nợ đặc biệt.	31
1.3. Phân loại phá sản:	31
2. Luật phá sản	32
2.1. Nội dung cơ bản của luật phá sản.	32
2.2. Thủ tục phá sản doanh nghiệp, Hợp tác xã	33
Chương 4: PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH	44
1. Một số vấn đề chung về hợp đồng dân sự	44
1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng dân sự:	44
**Hình thức của hợp đồng dân sự	46
1.2.1. Đề nghị giao kết hợp đồng	47
1.3. Thực hiện hợp đồng dân sự	49
1.4. Trách nhiệm pháp lý (trách nhiệm dân sự) do vi phạm hợp đồng dân sự	50
2. Một số vấn đề riêng về hợp đồng thương mại:	52
2.1. Khái niệm, phân loại hợp đồng thương mại	52
2.2. Một số vấn đề khác của hợp đồng thương mại	53
Chương 5:MỘT SỐ HỢP ĐỒNG THÔNG DỤNG TRONG KINH DOANH	62
1. Hợp đồng mua bán hàng hoá:	62
1.1. Khái niệm	62
1.2. Chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hoá	62
1.3. Ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá.	63
2. Hợp đồng đại lý	64
2.1. Khái niệm	64
2.2. Các hình thức đại lý	64
2.3. Hợp đồng đại lý	64
2.4. Quyền và nghĩa vụ các bên trong hợp đồng đại lý	65
3. Hợp đồng đấu giá và đấu thầu hàng hoá	66
3.1. Đấu giá hàng hoá	66
❖ Đặc điểm	66
3.2. Đấu thầu hàng hoá	67

4. Quy định của pháp luật về quảng cáo, khuyến mại.....	68
4.1. Quảng cáo.....	68
4.2. Khuyến mại:.....	71
5. Quy định của pháp luật về nhượng quyền thương mại.....	71
Chương 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÀI TOÀN ÁN	75
1. Các khái niệm:	75
2. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại toà án.....	76
2.1. Cơ cấu tổ chức của toà án nhân dân các cấp.....	76
2.2. Các chủ thể trong tố tụng kinh doanh, thương mại.....	78
2.3. Thẩm quyền giải quyết	78
2.4. Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại toà	79
Chương 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI TÀI TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI.....	82
1. Khái niệm	82
1.1. Trọng tài vụ việc.....	82
1.2. Trọng tài thường trực (quy chế).....	83
2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trọng tài thương mại.....	83
2.1. Quyền.....	83
2.2. Nghĩa vụ.....	83
3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng trọng tài ở nước ta:.....	83
3.1. Thẩm quyền và nguyên tắc, thủ tục giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại.	83
3.2. Thỏa thuận trọng tài:	84
3.3. Hội đồng trọng tài và trọng tài viên	85
3.4. Trung tâm trọng tài thương mại.....	86
3.5. Tố tụng trọng tài.....	86
3.6. Quyền yêu cầu Toà án huỷ phán quyết của trọng tài.....	88
3.7. Thi hành phán quyết trọng tài	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Luật kinh tế

Mã môn học: CKT203

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 18 giờ; Kiểm tra thường xuyên, định kỳ: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn khoa học chuyên ngành bắt buộc trong nội dung chương trình đào tạo trung cấp ngành nghiệp vụ bán hàng, được bố trí giảng dạy sau các môn học đại cương.
- Tính chất: Là học phần cung cấp các kiến thức về luật kinh tế cho đào tạo ngành trung cấp nghiệp vụ bán hàng, giúp người học hiểu và vận dụng các văn bản luật quản lý về kinh doanh vào thực tế.
- Ý nghĩa: cung cấp các kiến thức về quản lý, thành lập, hoạt động, phá sản,...của các đơn vị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện nay

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ LUẬT KINH TẾ

Giới thiệu

Luật kinh tế là một môn học có giới hạn pháp lý rộng và sâu, do đây không phải chỉ là một văn bản luật mà là tổng hợp rất nhiều văn bản luật liên quan điều chỉnh về kinh tế. Để hiểu rõ hơn các văn bản luật kinh tế có nội dung như thế nào thì bài học sẽ giúp học viên hình thành các khái niệm chính thống về luật kinh tế, giúp người học hình dung ra các đặc điểm kinh tế khác biệt về nguồn gốc sự ra đời và tiến bộ qua từng thời kỳ. Hiểu rõ các phạm vi ứng dụng, đối tượng, điều kiện chủ thể tham gia của Luật kinh tế để từ đó vận dụng vào lĩnh vực đời sống xã hội phù hợp.

Mục tiêu

- Kiến thức: khái niệm và hệ thống được các kiến thức về nguồn gốc, khái niệm và đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật kinh tế.
- Kỹ năng: phân biệt sự khác nhau giữa luật kinh tế xưa và nay và các văn bản luật áp dụng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: có tinh thần tự học và làm việc nhóm tốt, tự sắp xếp hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Nội dung chương:

1. Khái niệm và đặc trưng của luật kinh tế

1.1. Khái niệm:

Kinh tế là tổng hòa các mối quan hệ tương tác lẫn nhau của con người và xã hội - liên quan trực tiếp đến việc sản xuất, trao đổi, phân phối, tiêu dùng các loại sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của con người trong một xã hội với một nguồn lực có giới hạn.

Khái niệm pháp luật kinh tế là hỗn hợp các quy phạm pháp luật thuộc nhiều ngành luật khác nhau liên quan đến toàn bộ đời sống xã hội, pháp luật kinh tế bao gồm các quy phạm pháp luật của các ngành luật có đối tượng điều chỉnh là các quan hệ kinh tế có liên quan chặt chẽ với nhau trong quá trình tổ chức quản lý kinh tế và các hoạt động kinh doanh. Pháp luật kinh tế bao gồm các ngành luật sau: Luật kinh tế, luật tài chính ngân hàng, luật lao động, luật đất đai và môi trường,

Khái niệm thứ 1, Luật kinh tế là một bộ phận của pháp luật về kinh tế, là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình tổ chức và quản lý kinh tế của nhà nước và trong quá trình sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau.

Khái niệm thứ 2, Luật kinh tế là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp với nhau và giữa các doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.

1.2. Đặc trưng của luật kinh tế:

❖ Thời kỳ bao cấp:

Thứ nhất, sản xuất xã hội chủ nghĩa tức là nền kinh tế dựa vào 2 thành phần kinh tế cơ bản: quốc doanh (trong công và thương nghiệp) và tập thể (trong nông nghiệp - với hợp tác xã cấp cao là nông cốt)

Thứ hai, nhà nước làm chủ tập thể.

Thứ ba, áp dụng chế độ kế hoạch hóa tập trung (Chính phủ và Nhà nước kiểm soát toàn bộ các yếu tố sản xuất và giữ cái quyền quyết định việc sử dụng các yếu tố sản xuất cũng như phân phối về thu nhập. Trong một nền kinh tế như vậy, các nhà làm kế

hoạch quyết định loại và khối lượng hàng hóa nào sẽ được sản xuất, các xí nghiệp thực thi việc sản xuất này). Nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết áp đặt từ trên xuống dưới. Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao. Tất cả phương hướng sản xuất, nguồn vật tư, tiền vốn, định giá sản phẩm, tổ chức bộ máy, nhân sự, tiền lương... đều do các cấp có thẩm quyền quyết định. Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch cấp phát vốn, vật tư cho doanh nghiệp, doanh nghiệp giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Lãi thì Nhà nước bù, lỗ thì Nhà nước thu.

Thứ tư, công nghiệp nặng được lựa chọn làm ngành động lực chính của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Thứ năm, Nhà nước độc quyền về kinh tế đối ngoại.

Thời kỳ bao cấp: “Luật kinh tế có thể hiểu là tổng hợp các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, quy định việc quản lý chặt chẽ và toàn diện của nhà nước đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh: từ chế độ sở hữu tài sản đến tổ chức hoạt động sản xuất, các quan hệ hợp đồng, chế độ phân phối, nhằm bảo đảm tính kế hoạch hóa tập trung và bao cấp của nhà nước.”

❖ Thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Mục tiêu phát triển kinh tế thị trường là giải phóng sản xuất, động viên mọi nguồn lực trong nước và ngoài nước để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống người dân.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

❖ Hiện nay: “Luật kinh tế Việt Nam là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp”. Một số đặc trưng của nền kinh tế thời kỳ này là:

- Sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần cho phép ra đời và tồn tại nhiều loại hình doanh nghiệp, đại diện cho nhiều hình thức sở hữu khác nhau.

- Nhà nước là người đầu tư, là chủ sở hữu chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn đầu tư vào doanh nghiệp, còn doanh nghiệp là pháp nhân, có quyền tự do trong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo những nguyên tắc của thị trường, được đối xử bình đẳng như các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác

2. Những nội dung cơ bản của luật kinh tế

2.1. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế là những quan hệ kinh tế do luật kinh tế tác động vào bao gồm:

1- Nhóm quan hệ quản lý kinh tế

– Là quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý kinh tế giữa các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế với các chủ thể kinh doanh

– Đặc điểm của nhóm quan hệ này:

+ Quan hệ quản lý kinh tế phát sinh và tồn tại giữa các cơ quan quản lý và các cơ quan bị quản lý (Các chủ thể kinh doanh) khi các cơ quan quản lý thực hiện chức năng quản lý của mình

+ Chủ thể tham gia quan hệ này ở vào vị trí bất đẳng (Vì quan hệ này hình thành và được thực hiện dựa trên nguyên tắc quyền uy phục tùng).

+ Cơ sở pháp lý: Chủ yếu thông qua các văn bản pháp lý do các cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành.

2- Quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh với nhau.

– Đây là những quan hệ kinh tế thường phát sinh do thực hiện hoạt động sản xuất, hoạt động tiêu thụ sản phẩm hoặc thực hiện các hoạt động dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.

Trong hệ thống các quan hệ kinh tế thuộc đối tượng điều chỉnh của luật kinh tế, nhóm quan hệ này là nhóm quan hệ chủ yếu, thường xuyên và phổ biến nhất.

– Đặc điểm:

+ Chúng phát sinh trực tiếp trong quá trình kinh doanh nhằm đáp ứng các nhu cầu kinh doanh của các chủ thể kinh doanh

+ Chúng phát sinh trên cơ sở thống nhất ý chí của các bên thông qua hình thức pháp lý là hợp đồng kinh tế hoặc những thoả thuận.

+ Chủ thể của nhóm quan hệ này chủ yếu là các chủ thể kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế tham gia vào quan hệ này trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và các bên cùng có lợi.

+ Nhóm quan hệ này là nhóm quan hệ tài sản – quan hệ hàng hoá- tiền tệ

3- Quan hệ kinh tế phát sinh trong nội bộ một số doanh nghiệp

Là các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh giữa tổng công ty, tập đoàn kinh doanh và các đơn vị thành viên cũng như giữa các đơn vị thành viên trong nội bộ tổng công ty hoặc tập đoàn kinh doanh đó với nhau.

Cơ sở pháp lý : Thông qua nội quy, quy chế, điều lệ, cam kết.

2.2. Phương pháp điều chỉnh

❖ Phương pháp mệnh lệnh :

Được sử dụng chủ yếu để điều chỉnh nhóm quan hệ quản lý kinh tế giữa các chủ thể bất bình đẳng với nhau. Để phù hợp với đặc trưng của nhóm quan hệ này luật kinh tế đã tác động vào chúng bằng cách quy định cho các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế trong phạm vi chức năng của mình có quyền ra quyết định chỉ thị bắt buộc đối với các chủ thể kinh doanh (bên bị quản lý). Còn bên bị quản lý có nghĩa vụ thực hiện quyết định đó

❖ Phương pháp thoả thuận:

Được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh giữa các chủ thể bình đẳng với nhau. Bản chất của phương pháp này thể hiện ở